

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HÓA
ĐẢNG ỦY THỊ TRẤN CHỢ CHU

*

Số 344-CV/ĐU

Về việc sơ kết 5 năm thực hiện
Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019
của Ban Bí thư khóa XII

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

C hợ Chu, ngày 04 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Chu;

Thực hiện Công văn số 1304-CV/HU, ngày 04/5/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy Định Hóa về việc sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học; khuyến tài, xây dựng xã hội học tập” (Kết luận số 49-KL/TW), Ban Thường vụ Đảng ủy thị trấn đề nghị UBND thị trấn Chợ Chu báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW theo đề cương (có đề cương gửi kèm).

Báo cáo gửi về Ban thường vụ Đảng ủy (qua Thường trực Đảng ủy) **trước ngày 10/5/2024** để tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

Đề nghị UBND thị trấn quan tâm thực hiện và báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (thực hiện),
- Lưu VP Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Hoàng Văn Thuận

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW
ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư khóa XII
(Kèm theo Công văn số 344-CV/ĐU, ngày 04/5/2024
của Ban Thường vụ Đảng ủy)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đánh giá khái quát tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị; những yếu tố tác động đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW. Làm rõ những thuận lợi, khó khăn, thách thức.

II. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW

1. Công tác nghiên cứu, phổ biến, quản triệt Kết luận số 49-KL/TW

Đánh giá quá trình hướng dẫn, tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quản triệt Kết luận số 49-KL/TW của địa phương, đơn vị, bao gồm các nội dung sau:

- Phương thức, tiến độ triển khai.
- Công tác nghiên cứu, phổ biến, quản triệt Kết luận số 49-KL/TW *(có số liệu cụ thể)*.
- Hiệu quả của các hội nghị nghiên cứu, quản triệt.

2. Công tác tổ chức triển khai Kết luận số 49-KL/TW

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW; việc cụ thể hóa các nội dung Kết luận số 49-KL/TW.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW

Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Kết luận số 49-KL/TW cần bám sát 7 nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kết luận. Cụ thể:

1. Sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo thể chế chủ trương của Đảng về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập thành kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp.

2. Công tác tuyên truyền

Đánh giá hình thức, nội dung, hiệu quả tuyên truyền về các nhiệm vụ, giải pháp trong Kết luận số 49-KL/TW; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp

trong Quyết định số 489/QĐ-TTg, ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW; Chỉ thị số 14/CT-TTg, ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1373/QĐ-TTg, ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

Lưu ý: Nhân mạnh việc đổi mới hình thức tuyên truyền; lồng ghép trong chương trình giáo dục chính trị; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, tấm gương sáng tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, phong trào hoạt động tốt, góp phần phát triển bền vững gia đình, xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh....

3. Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội

Đánh giá vai trò, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội trong triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

Lưu ý: Nhân mạnh những biện pháp thúc đẩy việc học tập suốt đời của các thành viên, hội viên trong các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; triển khai xây dựng mô hình “Đơn vị học tập” tại các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp và trong lực lượng vũ trang nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập, chú trọng đào tạo từ xa

- Quy mô, mạng lưới tổ chức hội khuyến học trong các cộng đồng dân cư; trong các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp và trong lực lượng vũ trang.

- Hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

- Kết quả việc gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình, giáo dục xã hội trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ giáo dục, khai thác có hiệu quả tài nguyên giáo dục mở, trong đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục thường xuyên.

5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

- Chất lượng, hiệu quả công tác xóa mù chữ cho người lớn gắn với việc phổ cập nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, trang bị kỹ năng thiết yếu cho người mới biết chữ, người trong độ tuổi lao động có thể tự tạo việc làm, hoặc chuyển đổi nghề nghiệp thích ứng với những thay đổi của xã hội, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ.

- Chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống cho công nhân, người lao động ở cơ quan, đơn vị, địa phương; học tiếng dân tộc đối với vùng có đông bào dân tộc.

6. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập

- Đánh giá việc ban hành những quy định về cơ chế, chính sách của địa phương, cơ quan, đơn vị đối với công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả đạt được trong việc xây dựng các mô hình học tập: “Công dân học tập”, “Xã học tập”, “Huyện học tập”, “Tỉnh học tập”.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả đạt được trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, những tài năng trẻ trong học sinh, sinh viên nhằm xây dựng đội ngũ trí thức, chuyên gia đầu ngành cho đất nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Đánh giá khái quát những kết quả đạt được sau 5 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

- Những tồn tại, hạn chế trong nghiên cứu, quán triệt, triển khai Kết luận số 49-KL/TW.

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Nêu những bài học kinh nghiệm được rút ra sau 5 năm triển khai thực

hiện Kết luận số 49-KL/TW.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Dự báo tình hình

Bối cảnh và những vấn đề đặt ra đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập thời gian tới.

2. Nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

Căn cứ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XIII của Đảng; đặc điểm tình hình của mỗi địa phương, đơn vị, tổ chức, những hạn chế và nguyên nhân sau 5 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, đề xuất những nhiệm vụ và giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập thời gian tới, tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất, kiến nghị với các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương.

Kiến nghị, đề xuất đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo tính đồng bộ khi triển khai thực hiện.

Năm 2023										
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1.2. Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Thời gian	Cấp xã					Cấp huyện				
	Tổng số xã	Số xã Đạt mức độ 1	Tỷ lệ (%)	Số xã Đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)	Tổng số huyện	Số huyện Đạt mức độ 1	Tỷ lệ (%)	Số huyện Đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)
Năm 2019										
Năm 2020										
Năm 2021										
Năm 2022										
Năm 2023										

1.3. Kết quả xóa mù chữ

Thời gian	Cấp xã					Cấp huyện				
	Tổng số xã	Số xã Đạt mức độ 1	Tỷ lệ (%)	Số xã Đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)	Tổng số huyện	Số huyện Đạt mức độ 1	Tỷ lệ (%)	Số huyện Đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)
Năm 2019										
Năm 2020										
Năm 2021										
Năm 2022										
Năm 2023										

Thời gian	Tổng số	Tổng số người	Trong đó								Ghi chú	
			Trong	Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:	Trong	Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:		

	người mù chữ	huy động ra học xóa mù chữ	độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi	là người dân tộc thiểu số	được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	độ tuổi từ 36 đến 60 tuổi	là người dân tộc thiểu số	được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	
Năm 2019											
Năm 2020											
Năm 2021											
Năm 2022											
Năm 2023											

Thời gian	Tổng số người được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Tổng số người được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	Số người tái mù chữ	Ghi chú
Năm 2019				
Năm 2020				
Năm 2021				
Năm 2022				
Năm 2023				

1.4. Kết quả đào tạo từ xa

+ Tổng số cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo từ xa: (ghi số liệu)

+ Tổng số người được đào tạo từ xa: (ghi số liệu)

1.5. Kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở

Thời gian	Công chức cấp xã			Công chức cấp huyện			Công chức cấp tỉnh		
	Tổng số	Số được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Số được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Số được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)
Năm 2019									
Năm 2020									
Năm 2021									
Năm 2022									
Năm 2023									

1.6. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề cho người khuyết tật

Thời gian	Số lao động nông thôn được đào tạo nghề	Số lao động nông thôn được đào tạo nghề có việc làm	Số người khuyết tật được đào tạo nghề	Số người khuyết tật được đào tạo nghề có việc làm
Năm 2019				
Năm 2020				
Năm 2021				
Năm 2022				
Năm 2023				

1.7. Kết quả đào tạo nghề cho người hết tuổi lao động; đào tạo nghề cho người nội trợ

Thời gian	Số người hết tuổi lao động được đào tạo nghề	Số người hết tuổi lao động được đào tạo nghề có việc làm	Số người nội trợ được đào tạo nghề	Số người nội trợ được đào tạo nghề có việc làm
Năm 2019				
Năm 2020				
Năm 2021				
Năm 2022				
Năm 2023				

1.8. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cho công nhân lao động

Thời gian	Tổng số công nhân lao động	Số công nhân lao động được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)
Năm 2019			
Năm 2020			
Năm 2021			
Năm 2022			
Năm 2023			

III. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

Thời gian	Cấp xã				Cấp huyện				Ghi chú
	Tổng số xã	Số xã có Hội khuyến học	Số người dân được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập”	Số xã được công nhận “Xã học tập” (theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT)	Tổng số huyện	Số huyện có Hội khuyến học	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... được công nhận “Cộng đồng học tập cấp huyện” (theo Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT)	Số huyện được công nhận “Huyện học tập” (theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT)	
Năm 2019									
Năm 2020									
Năm 2021									
Năm 2022									
Năm 2023									